

ISO/IEC JTC1/SC2/WG2/IRG N2953

Title: Follow-up on U+268A1 𪗇 and U+268A2 𪗈 (IRG N2928)

Author: Ng Koon Hang

Status: Individual contribution on IRG #67

Action: To be considered by Vietnam NB and IRG

Date: 2026.3.25

In IRG N2928, I have raised a question on the glyphs of U+268A1 𪗇 and U+268A2 𪗈, and during IRG #66 Vietnam NB responded that the use of the unencoded component 脊 was intended.

Certainly, there is evidence that supports the current form. Both U+268A1 𪗇 and U+268A2 𪗈 with 脊 component can be attested in Bảng tra chữ Nôm, and this probably was the evidence used when encoding them in Ext. B.

CÁCH ĐỌC		311	19 nét		
7250	綉縐 GẤU	gấu áo	7264	艷 DIỆM DIỆM	kiều diễm
7251	綉意 GIẤY	giấy mực	7265	職 CHỨC	chức phận
7252	綉路 LỰA RO	lụa là co ro		CHẮC	chắc chắn
7253	綉罪 TÚI	túi vải		GIẤC	giấc ngủ
7254	綉戲 CHỨC	chức nữ		XÁC	xác xối
7255	綉碎 TÚI	túi vải	7266	聊的 ĐIẾC	diếc tai
7256	綉縐 THAO	lụa thao	7267	𪗈 NÓC	nóc nhà
7257	綉縐 DỢ	dây dợ	7268	𪗈 NÓC	nóc nhà
7258	綉越 VỢT	vợt cá	7269	𪗈 MÁ	gò má
7259	羅 LA LÀ	thiên la địa võng đó là... lụa là	7270	𪗈 NÁCH	dưới nách
7260	羶 CHIÊN CHEN XIÊN	con chiên chen chúc xiên xẹo	7271	𪗈 PHỊCH	béo phọc phịch
7261	羹 CANH	nấu canh	7272	𪗈 NGHĨ GHỀ	thuyền ghé bến
7262	羹 RƯỢM	rượu rã		NGHI	nghi ngút
7263	老會 CỎI	giã cối	7273	藕 NGẤU NGÓ	ngó sen
			7274	𪗈 NGHỀ NGHỀ	tài nghệ nghề nông

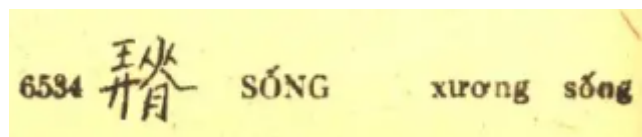
P.311, Bảng tra chữ Nôm, 1976. This does support the use of the unencoded component.

However, recently I found 𪛗屋脊 in Giúp đọc Nôm và Hán Việt.

Noãn—Nọn		648	
- Tro trơ: <i>Noa lưc</i> ; <i>Noa tính khí thế</i> (khí trơ) Còn âm là <i>Đoạ</i>	毒 毒 Nộc* (Hv độc) (trùng độc) - Chất độc hại máu: <i>Nọc rắn</i> - Lợn đực cho giống: <i>Heo nọc</i> - Cúm từ bình dân: <i>Cham nọc</i> (nói trùng điếm muốn giấu giếm)	肫 Nôm* (Hv mục nam) - Chú ý xem: <i>Nom theo bóng người</i> - Sân sóc: <i>Châm nom</i>	(*trắng non; *dáng mềm mại)
卵 Noãn (tuần) - Trứng: <i>Noãn bạch</i> ; <i>Sát kê thủ noãn</i> [giết gà dê (giữ) trứng] - U áp: <i>Noãn dục</i> (áp dưới cánh) - Giống hình trứng: <i>Noãn thạch</i> (cobblestones)	毒 毒 Nộc* (Hv mục nhục) (mộc độc) - Cọc cắm sâu: <i>Đóng nọc</i> - Hâm băng cọc: <i>Nọc ra dính đòn</i>	嫩 嫩 Non* (Hv sơn nộn) - Từ đệm sau <i>Núi*</i> : <i>Núi non chóng chất</i> - <i>Núi già</i> : <i>Non bộ</i>	嫩 Nộn* (Hv nộn) Bất chệt (bị): <i>Bất nộn</i>
暖 煖 Noãn (nuần) - Ấm áp: <i>Noãn hoà</i> ; <i>Noãn phòng</i> (phòng ủ cây mùa lạnh); <i>Noãn thủy bình</i> (thermos) - Suối ấm: <i>Noãn nhất noãn thú</i>	駢 駢 Nội* (Hv túc nôi) Đường phải theo: <i>Nội gương anh hùng</i>	嫩 嫩 Non* (nộn; thảo nộn) - Tươi và mềm: <i>Cỏ non</i> ; <i>Non nớt</i> - Yêu: <i>Già dòn non nhe</i> - Gắn tới con số: <i>Non chín mươi tuổi</i> ; <i>Cần non</i> (thiếu chất nửa mới đáng lượng) - Tiền lãnh trước khi xong việc: <i>Công non</i> - Năm vững lợi nhỏ hơn là liều chờ lợi lớn không chắc: <i>An non</i>	嫩 Nòng* (Hv trúc nòng) Bất chệt (bị): <i>Bất nòng</i>
靦 Noãn (nần) (cổ văn) - Thẹn đỏ mặt: <i>Noãn nhiên</i> ; <i>Noãn nhan</i> - Còn âm là <i>Hà</i>	駢 駢 Nội* (Hv nội; nhân nội) (từ lối; loại; duệ nôi) Giống; đồng dôi: <i>Nội giống Lạc Hồng</i> ; <i>Ngựa nôi</i> (ngựa tốt vì được chọn giống)	焮 焮 Nón* (Hv trúc nộn) Đồ che đầu bằng lá; bằng gỗ: <i>Đầu đội nón dẫu</i> ; <i>Nón bài thơ</i>	嫩 Nòng* (Hv nòng) Bất chệt (bị): <i>Bất nòng</i>
籬 籬 Nóc* (Hv trúc ốc) (Hv nghiêm tốc) (ốc tích, thảo nhục) (thúc; thảo nậu) Phần cao nhất của nhà...: <i>Nóc tíc</i> ; <i>Nóc bếp</i>	唵 訥 Nói* (Hv nội; khẩu nội) (nội; ngôn nội) - Phát âm ra tiếng có ý nghĩa: <i>Nói lập</i> ; <i>Nói ngong</i> - Nghệ thuật diễn ý: <i>Nói bóng</i> ; <i>Nói nhảm</i> ; <i>Nói trắng nói cuội</i>	嫩 嫩 Nón* (Hv thảo nộn) - Phần mềm giữa cây: <i>Nón chuối</i> - Giống như nón chuối: <i>Da trắng nõn</i> ; <i>Nón nà</i>	嫩 Nòng* (Hv nòng) Bất chệt (bị): <i>Bất nòng</i>
鯀 Nốc* (ngư ốc) Loại cá độc Hv gọi là <i>Hà dôn</i> hoặc <i>Đôn ngư</i>		焮 焮 Nóng* (Hv hoá nòng) (hoá chúng) - Nhiệt độ cao: <i>Nóng bức</i> - Sốt rét: <i>Nóng lạnh</i> - Dễ giận: <i>Nóng mắt</i> (thấy cảnh thì giận); <i>Nóng như Trương Phi</i> - Sốt ruột: <i>Nóng lòng</i> - Sốt dẻo: <i>Tin nóng bóng</i>	嫩 Nòng* (Hv nòng) - Cỏ của vật giết thịt:

P.648, Giúp đọc Nôm và Hán Việt, 2004. Same version as those used for WS evidences.

Moreover, U+26860 𪛗, another character I have mentioned in IRG N2928, also has 脊 in Bảng tra chữ Nôm, while in Unicode it has been normalized to 弄脊.



This suggests that 脊 and 脊 are unifiable variants and can be used interchangeably. It is possible that the author of Bảng tra chữ Nôm preferred 脊 over 脊.

I think this is a good evidence for Vietnam NB to consider changing the glyphs for both U+268A1 𪛗 and U+268A2 𪛗 (or at least, for U+268A1 𪛗 whose normalized form has been attested as above.)

#EOD